TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/DS-ST
Ngày: 15 - 03 - 2023
V/v tranh chấp Quyền sử dụng đất - Quyền sở hữu nhà, đòi lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Công Lập;

2. Bà Trần Thị Ánh Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2021/TLST - DS ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc *"Tranh chấp Quyền sử dụng đất - Quyền sở hữu nhà, đòi lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm số 17/2023/QĐST-DS, ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ú, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Số F, tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

- Người đại diện ủy quyền của bà Lê Thị Ú: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm: 1984, Nơi cư trú: khóm Đ, phường M, TP ., tỉnh An Giang, (theo giấy ủy quyền ngày 14/02/2023, số công chứng 271, Quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD), (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Đ, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Số F, tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Lê Văn D, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Số F, tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt);

3.2. Ông Lê Văn H, sinh năm 1949, (có mặt);

3.3. Bà Trần Thị T, sinh năm 1947, (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số H, tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

3.4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A (có văn bản vắng mặt);

Địa chỉ trụ sở: Số H, Quốc lộ I, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3.5. Ủy ban nhân dân huyện C, (vắng mặt).

Địa chỉ trụ sở: Ấp V, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các lời khai và các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị Ú trình bày:

Về nguồn gốc đất, phía bị đơn trình bày của cha mẹ để lại. Tuy nhiên, bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ, chứng minh nguồn gốc đất. Nguyên đơn không đồng ý đối với phần trình bày của bị đơn, phía nguyên đơn cho rằng nguồn gốc đất sử dụng ổn định từ trước năm 1975 đến nay, ông Hoa đăng k kê khai là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Yêu cầu bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn D di dời trả lại nhà và đất thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú;

- Yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Út .

Không đồng ý đối với yêu cầu của bị đơn bà Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Út . Lý do, bà Lê Thị Ú đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Thống nhất với văn bản trình bày ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A và Ủy ban nhân dân huyện C về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn H, bà Trần Thị T, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông Lê Văn H, bà Trần Thị T sang cho bà Lê Thị Út .

Theo đơn yêu cầu, các lời khai và các biên bản hòa giải, bị đơn bà Lê Thị Đ trình bày:

Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ú. Bà cho rằng nguồn gốc đất của cha mẹ để lại, không có di chúc và cũng chưa được phân chia cho ai, nên đây là di sản chung của anh em. Việc ông H, bà Ú được cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất bà không biết. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/05/2018 do sở T cấp cho bà Lê Thị Út .

Về căn nhà đang tranh chấp là của cha mẹ có từ trước năm 1975 đến nay. Đến năm 2001, bà đẹp về sống trên đất để chăm sóc cho mẹ. Trong quá trình ở thì bà có sửa chữa nhà nhiều lần. Đến năm 2017, do nhà đã hư hỏng nhiều nên xây dựng lại, bà Ú có phụ 17.000.000 đồng để mua vật tư xây dựng nhà, một phần từ thiện hỗ trợ cho cây, thiết để phụ sửa nhà, ông Lê Văn H là người đứng ra để trông coi trong quá trình xây dựng.

Ngoài ra, bị đơn trình bày thêm: Cha tên Lê Văn S (chết năm 1959), Mẹ tên Huỳnh Thị Đ1 (chết năm 2001), cha mẹ có 07 người con gồm:

Lê Văn B (chết không nhớ năm chết, không có vợ con), Lê Thị Đ2 còn sống không nhớ địa chỉ cư trú, Lê Văn H1 (chết, có vợ đã chết, có 04 người con tên Lê Văn H2, Lê Văn T1, Lê Văn Bé L, Lê Thị Bé N); không biết địa chỉ cư trú chính xác, Lê Văn H; Cư trú: tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Lê Văn N1; Cư trú: tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Lê Thị Đ; Cư trú: Số F, tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang và bà Lê Thị Út .

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá đối với tài sản tranh chấp, bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc (Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 05/3/2021) của Văn phòng Đ3 Chi nhánh C1, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. Không yêu cầu đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá lại

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H trình bày:

Ông vẫn giữ nguyên ý kiến như phần trình bày ở tại Tòa án nhân dân huyện C, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ú thì ông không đồng ý, ông yêu cầu để bà Đ và anh D được tiếp tục sống tại căn nhà và đất này, do đây là tài sản của cha mẹ để lại nên anh chị em, con cháu đều được quyền sống. Đồng thời, ông cũng yêu cầu Tòa án xem xét huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ú.

Ông cho rằng tài sản tranh chấp là của cha mẹ để lại, do đó, phải được chia đều cho các anh em trong gia đình.

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp, ông thống nhất với kết đo đạc (Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 05/3/2021) của Văn phòng Đ3 Chi nhánh C1, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá đối với tài sản tranh chấp của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang. Ông không yêu cầu đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, và định giá lại.

Về căn nhà đang tranh chấp, trên đất đã có căn nhà của cha mẹ từ trước năm 1975 đến nay. Đến năm 2001, bà Đ về sống trong căn nhà này để chăm sóc cho mẹ. Trong quá trình ở trong căn nhà thì bà Đ có sửa chữa lại căn nhà nhiều lần, đến năm 2017 do nhà đã hư hỏng nhiều nên bà Đ xây dựng lại, bà Ú có phụ thêm 17.000.000 đồng để mua vật tư xây dựng nhà, một phần từ thiện hỗ trợ cho cây, thiết để phụ sửa nhà, ông là người đứng ra để trông coi trong quá trình xây cất lại

căn nhà.

Về quan hệ huyết thống: ông thống nhất với phần trình bày của bà Đ là C tên Lê Văn S (chết năm 1959), Mẹ tên Huỳnh Thị Đ1 (chết năm 2001), cha mẹ có 07 người con như bà Đ trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn D trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của ông H và bà Đ, không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện C có Văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 288/UBND-TD ngày 22/4/2021 với nội dung như sau:

Ngày 02/11/2006, ông Lê Văn H và bà Trần Thị T ngụ ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, làm đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 78m^2, loại đất ở nông thôn tại xã B nguồn gốc đất sử dụng từ trước năm 1975 đến nay, được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tiến hành đo đạc và lập biên bản đo đạc xác định ranh giới - mốc giới sử dụng đất, có tứ cận ký tên đầy đủ (ngày 10/01/2007) và được UBND xã B xác nhận. Ngày 16/7/2007, UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00907aF cho ông Lê Văn H và bà Trần Thị T đứng tên, đất tọa lạc tại xã B.

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003, Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai và Quyết định số 777/2005/QĐ.UB của Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành quy định trình tự, thủ tục thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00907aF cho ông Lê Văn H và bà Trần Thị T đứng tên là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A, có Văn bản số 805/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 26/03/2021 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Út .

Tại phiên tòa:

Đại diện ủy quyền của bà Lê Thị Ú vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Yêu cầu bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn D di dời trả lại nhà và đất thuộc thửa số 66, tờ bản đồ số 7, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú;

- Yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Út .

Bị đơn bà Lê Thị Đ vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày: Bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ú. Bà yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/05/2018 do sở T cấp cho bà Lê Thị Út .

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày: Yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/05/2018 do sở T cấp cho bà Lê Thị Út .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn D vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày: thống nhất với ý kiến của ông H và bà Đ, không có ý kiến bổ sung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72, 73, 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, Xử: không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ú về việc yêu cầu bà Lê Thị Đ và ông Lê Văn D trả lại nhà, đất và yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên.

Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên.

Bà Lê Thị Ú phải chịu chi phí tố tụng theo quy định pháp luật, bà Ú được miễn án phí DSST do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Bà Lê Thị Ú khởi kiện vụ án dân sự về việc "Tranh chấp *Quyền sử dụng đất - Quyền sở hữu nhà, đòi lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất",* bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn H có yêu cầu *"Hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất",* các bên tranh chấp đất là bất động sản tọa lạc tại xã B, huyện C và bà Lê Thị Đ cư trú trên địa bàn xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ các Điều 26, 34, 37, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định;

[1.2]. Về việc vắng mặt của đương sự: Sở T (có Văn bản vắng mặt), UBND huyện C, bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Bà Lê Thị Ú khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn D trả lại nhà và đất cho bà, nhà và đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên, và yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị T trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên.

Bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn H yêu cầu Tòa án xem xét hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/5/2018, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên.

Xét về nguồn gốc đất và căn nhà các bên đương sự đều thống nhất là của mẹ tên Huỳnh Thị Đ1 sử dụng trước năm 1975, đến năm 2001 thì cụ Đ1 chết, không để lại di chúc, sau khi cụ Đ1 chết thì bà Đ và bà Ú vẫn tiếp tục sử dụng đất và căn nhà của cụ Đ1 để lại. Đến năm 2006 có đoàn đo đạc đại trà nên ông Lê Văn H đứng ra kê khai diện tích đất của cụ Đ1 chết để lại là di sản chưa được phân chia cho các thừa của cụ Đ1 và cũng không có bất cứ văn bản thỏa thuận nào của các đồng thừa kế mà ông H lại được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00907aF Ngày 16/7/2007 cho ông Lê Văn H và bà Trần Thị T đứng tên. Do đó, việc ông H, bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và không đúng đối tượng đang sử dụng đất. Đến năm 2018 do tuổi cao sức khỏe yếu nên ông H mới làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất lại cho bà Ú đứng tên nhưng với điều kiện đây là tài sản chung của anh em chưa phân chia, nên bà Đ và bà Ú vẫn sống chung nhà do cụ Đ1 để lại, tuy việc sang tên làm thủ tục chuyển nhượng nhưng thực chất nó là thủ tục giao lại quyền sử dụng đất cho bà Ú đại diện đứng tên, chứ thực tế các bên không có chuyển nhượng và cũng không có giao nhận tiền với nhau, việc này đều được bà Ú và ông H thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Bởi vì, các bên đều thừa nhận quyền sử dụng đất là của cụ Đ1 chứ không phải của ông H, bà T cho nên khi cụ Đ1 chết thì phát sinh thừa kế di sản là quyền sử dụng đất, nên đây là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ Đ1, nếu có tranh chấp thì phải phân chia theo quy định pháp luật, do di sản chưa được phân chia nên không thuộc quyền định đoạt của riêng ai, đồng thời cũng không có bất cứ văn bản thỏa thuận của các đồng thừa kế mà ông H, bà Ú tự định đoạt tài sản sang tên quyền sử dụng đất từ ông H, bà T sang tên cho bà Ú là không đúng pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử, xét trình tự thủ tục cấp quyền sử dụng đất cho ông H, bà T ngay từ đầu là ông đúng đối tượng sử dụng đất, đây là đất của cụ Đ1 đang sử dụng ổn định mà đem cấp cho ông H, bà T là không đúng đối tượng, cho nên quyền sử dụng đất không phải là tài sản cá nhân của ông H, bà T, nên ông H, bà T không có quyền tự định đoạt đối với quyền sử dụng đất trên, do đó hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H, bà T với bà Ú ngay từ đầu đã vô hiệu.

Vì vậy, nghĩ nên cần hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00907aF ngày 16/7/2007 do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Văn H, bà

Trần Thị T đứng tên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ số 7, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/5/2018, do sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên.

Nếu các bên có phát sinh tranh chấp yêu cầu chia di sản là quyền sử dụng đất của cụ Đ1 thì có quyền nộp đơn khởi kiện bằng vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự có trình bày cụ S và cụ Đ1 có chung 07 người con. Nhưng do các bên đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ xác định họ, tên, năm sinh, quan hệ huyết thống và địa chỉ cụ thể của những người thừa kế. Tòa án có ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 137/2022/QĐ-CCTLCC ngày 13/10/2022 cho các đương sự trong vụ án để cung cấp thông tin của những người thừa kế cho Tòa án, nhưng không có ai cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án, nên Tòa án không thể đưa những người thừa kế vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Tuy nhiên, Xét thấy vụ án này các bên đương sự đang tranh chấp quyền sử dụng đất chứ không có tranh chấp thừa kế tài sản nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các thừa kế, nên không cần thiết phải đưa các thừa kế vào tham gia tố tụng.

Đối với căn nhà, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự đều xác định trên diện tích đất tranh chấp có căn nhà của cụ Đ1 cất sử dụng từ trước cho đến nay, trong quá trình ở có sửa chữa căn nhà nhiều lần. Đến năm 2017, do nhà đã hư hỏng nhiều nên xây dựng lại. Xét thấy căn nhà gắn liền với diện tích đất các bên đang tranh chấp, có liên quan đến di sản, để không làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của các thừa kế nên hội đồng xét xử không xem xét, mà để xem xét trong vụ án chia di sản thừa kế, nếu các bên có phát sinh tranh chấp với nhau.

Về chi phí tố tụng: Đo đạc 717.200 đồng, định giá tài sản 1.600.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của bà Ú không được chấp nhận nên bà Ú phải chịu toàn chi phí tố tụng, bà Ú đã nộp đủ số tiền trên.

Về án phí: Bà Lê Thị Ú là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 158, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ú đối với bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn D về việc trả lại nhà, đất và không chấp nhận đối với yêu cầu ông Lê Văn H, bà Trần Thị T trả lại cho bà Lê Thị Ú bản chính giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/5/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên.

- Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Đ, ông Lê Văn H về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00907aF ngày 16/7/2007 do UBND huyện C, tỉnh An Giang cấp cho ông Lê Văn H, bà Trần Thị T đứng tên, và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 66, tờ bản đồ số 7, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05893 ngày 21/05/2018, do sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh A cấp cho bà Lê Thị Ú đứng tên.

Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị Ú phải chịu chi phí đo đạc 717.200 đồng, định giá tài sản 1.600.000 đồng, bà Ú đã nộp đủ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Ú là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bà Lê Thị Ú được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008519 ngày 07/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Lưu: Hồ sơ, Phòng KTNV và THA, Tòa Dân sự, Văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Thám